TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Hà Vính
2. Bà Quách Thị Tình

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn– Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Nông trường T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt
2.Bị đơn: Anh Trần Văn S; Sinh năm: 1986
Địa chỉ: Nông trường T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2019, chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S thường xuyên tụ tập bạn bè để chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình và vợ con. Chị khuyên can thì anh S chửi bới và đánh đập chị. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh S không thay đổi được tính nết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Phạm Như Q, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Quang M, sinh ngày 04/12/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2019 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị H xin thay đổi yêu cầu về việc nuôi con. Chị H yêu cầu được nuôi cháu Trần Quang M và giao cháu Trần Phạm Như Q cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 01 năm 2019, anh Trần Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2011 tại UBND xã T, huyện Thạch T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng tình cảm vợ chồng hòa thuận bình thường. Trong cuộc sống, đôi lúc vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là va chạm bình thường, chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh mong muốn được đoàn tụ.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Phạm Như Q, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Quang M, sinh ngày 04/12/2013. Nếu chị H nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh S. Về con cái, giao cháu Trần Quang M, sinh ngày 04/12/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Như Q, sinh ngày 29/08/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 của Bộ Luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh S không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh S theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh S đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Anh S cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh S.

[5] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay sảy ra cãi cọ và đã nhiều lần dẫn đến xô sát. Mặc dù đã được chính quyền địa phương cũng gia đình khuyên giải nhưng vẫn không thể hòa hợp được. Đến thời điểm hiện tại, chị H và anh S đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh S yêu cầu được đoàn tụ nhưng hai lần đều không đến để tham gia hòa giải, trong khi đó chị H nhất quyết yêu cầu được ly hôn anh S. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn S.

[6] Về con cái: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn S có hai con chung là cháu Trần Phạm Như Q, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Quang M, sinh ngày 04/12/2013. Xét thấy cả anh S và chị H đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, cháu M đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu Q lớn hơn và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7] Về tài sản: Chị H và anh S không yêu cầu nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn S.

Về con cái: Giao cháu Trần Quang M, sinh ngày 04/12/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Như Q, sinh ngày 29/08/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H và anh S có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003537 ngày 24/01/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Phạm Thị H, vắng mặt anh Trần Văn S. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Q;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc